

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**

Bản án số: **82/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 19/5/2021

“*V/v: Tranh chấp hôn nhân
và gia đình*”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Tùng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Dương Thị Ninh;

2. Bà Nông Thị Hương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19/5/2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 263/2019/TLST-HNGĐ ngày 09/12/2019, về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23/4/2021 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Tạ Thị H**, sinh năm 1980.

- Bị đơn: Anh **Vũ Viết K**, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(*Chị H có mặt; Anh K có mặt tại phiên tòa ở phần thủ tục
và phần tranh tụng nhưng vắng mặt không có lý do khi tuyên án*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản lấy lời khai bổ sung, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Tạ Thị H trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Vũ Viết K được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 21/9/2000 tại UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hạnh phúc với nhau bình thường tại tổ dân phố C, thị trấn T, huyện H cho đến đầu năm 2018 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng giữa chị với anh K không hợp nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống về cách sinh hoạt trong gia đình, cách nuôi dạy con cái dẫn đến vợ chồng xảy ra to tiếng cãi chửi nhau. Năm 2018 trong khi bực tức cãi chửi nhau thì

anh K cầm 01 thanh gỗ vụn một vài cái vào người chị khiến chị bị đau nhiều ngày. Tháng 8/2019 do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị cùng các con đã chuyển đồ đạc ra ngoài thuê nhà ở riêng và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị xác định không còn tình cảm với anh K, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị với anh K đã quá căng thẳng, trầm trọng, vợ chồng không thể đoàn tụ cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Chị cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Việt K.

- *Về con chung*: Chị H xác định quá trình chung sống chị và anh K có 02 con chung là cháu Vũ Thanh T, sinh ngày 29/6/2001 và cháu Vũ Tuấn M, sinh ngày 25/6/2012. Đối với cháu Vũ Thanh T đã đủ 18 tuổi trưởng thành và có khả năng tự lao động được, sức khỏe lao động bình thường nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Vũ Tuấn M, sinh ngày 25/6/2012. Chị không yêu cầu anh Vũ Việt K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- *Về tài sản chung, đất đai chung*: Chị H xác định quá trình chung sống chị và anh K có một số tài sản chung sau:

1/ Diện tích đất 86,4m² (trong đó có 64,5 m² đất ở tại đô thị và 21,9 m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 133, tờ bản đồ số 112 tổ dân phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Diện tích đất này đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 550596 ngày 21/8/2020 mang tên chị Tạ Thị H.

2/ Diện tích đất 180,7m² (trong đó có 137,1m² đất ở tại đô thị và 43,6m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 132, tờ bản đồ số 112 tổ dân phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Diện tích đất này đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 550597 ngày 21/8/2020 mang tên anh Vũ Việt K. Trên diện tích đất này năm 2017 chị và anh K đã xây dựng 01 ngôi nhà xây và công trình phụ trên đất mà hiện nay anh K đang quản lý, sử dụng.

Khi ly hôn, chị H đề nghị Tòa án chia cho chị được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 86,4m² (trong đó có 64,5m² đất ở tại đô thị và 21,9m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 133, tờ bản đồ số 112 tổ dân phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; Anh Vũ Việt K được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 180,7m² (trong đó có 137,1m² đất ở tại đô thị và 43,6m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 132, tờ bản đồ số 112 tổ dân phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Đồng thời chị H đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Vũ Việt K có trách nhiệm phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản chung cho chị về giá trị đất và ngôi nhà xây + công trình phụ trên đất theo quy định pháp luật. Ngoài ra, chị H không yêu cầu Tòa án chia bất cứ tài sản chung gì khác.

- *Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung*: Chị H xác định chị và anh Vũ Việt K không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

*** Tại Biên bản lấy lời khai, biên bản lấy lời khai bổ sung, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Vũ Việt K trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Tạ Thị H được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 21/9/2000 tại UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hạnh phúc với nhau bình thường tại tổ dân phố C, thị trấn T, huyện H đến đầu năm 2018 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn kể cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng giữa anh với chị H không hợp nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống về cách sinh hoạt trong gia đình, cách nuôi dạy con cái, anh có nhiều lần góp ý nhưng chị H tự quyết định tất cả mọi vấn đề sinh hoạt trong gia đình, không lắng nghe ý kiến và không tôn trọng anh; do vợ chồng mỗi người một công việc riêng (anh làm vườn cam và làm công nhân lâm nghiệp của Công ty lâm nghiệp Hàm Yên thường xuyên đi làm từ sáng đến tối, chị H là nhân viên tạp vụ của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên và là nhân viên của Công ty số số tỉnh Tuyên Quang), mỗi người làm một công việc khác nhau không ai chia sẻ, quan tâm công việc của nhau dẫn đến vợ chồng có xảy ra to tiếng cãi chửi nhau. Năm 2018 trong khi bực tức cãi chửi nhau thì anh có cầm 01 thanh gỗ vọt chị H một cái vào người nhưng không gây thương tích gì nặng cho chị H. Tháng 8/2019 chị H và các con tự ý chuyển đồ đạc ra ngoài ở riêng và vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong quá trình chị H chuyển ra ở riêng thì anh nhiều lần điện thoại và trực tiếp đến chỗ chị H ở 05 lần nói chuyện trao đổi bảo chị H và các con về nhà ở nhưng chị H không về. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh với chị H chưa đến mức căng thẳng, trầm trọng. Chị H làm đơn ly hôn, anh không nhất trí ly hôn, anh đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải cho vợ chồng anh chị quay về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái.

- *Về con chung:* Anh K xác định quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Thanh T, sinh ngày 29/6/2001 và cháu Vũ Tuấn M, sinh ngày 25/6/2012. Đối với cháu Vũ Thanh T, sinh ngày 29/6/2001 đã đủ 18 tuổi trưởng thành và có khả năng tự lao động được, sức khỏe lao động bình thường nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh không nhất trí ly hôn nên anh không có ý kiến gì về quyền nuôi con. Nếu phải ly hôn và chị H đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Tuấn M, sinh ngày 25/6/2012, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H thì anh nhất trí và không có ý kiến gì.

- *Về tài sản chung, đất đai chung:* Anh K xác định quá trình chung sống anh và chị H có một số tài sản chung sau:

1/ Diện tích đất 86,4m² (trong đó có 64,5 m² đất ở tại đô thị và 21,9 m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 133, tờ bản đồ số 112 tổ dân phố Cầu Mới, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Diện tích đất này đã được Sở Tài nguyên

và môi trường tỉnh Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 550596 ngày 21/8/2020 mang tên chị Tạ Thị H.

2/ Diện tích đất 180,7m² (trong đó có 137,1m² đất ở tại đô thị và 43,6m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 132, tờ bản đồ số 112 tổ dân phố Cầu Mới, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Diện tích đất này đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 550597 ngày 21/8/2020 mang tên anh Vũ Viết K. Trên diện tích đất tại thửa số 132, tờ bản đồ số 112 năm 2017 đã xây dựng 01 ngôi nhà xây và công trình phụ trên đất đều đang thuộc quyền quản lý, sử dụng của anh.

Anh không nhất trí ly hôn nên không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng. Nếu phải giải quyết ly hôn thì anh nhất trí được quản lý, sử dụng diện tích đất 180,7m² (trong đó có 137,1m² đất ở tại đô thị và 43,6m² đất trồng cây lâu năm) và ngôi nhà xây + công trình phụ trên đất tại thửa số 132, tờ bản đồ số 112 tổ dân phố Cầu Mới, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên. Anh có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch về diện tích đất và tài sản trên đất (ngôi nhà xây + công trình phụ) cho chị Tạ Thị H theo quy định pháp luật.

-Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung: Anh K xác định anh và chị Tạ Thị H không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Vũ Thanh T và cháu Vũ Tuấn M (là con chung chị Tạ Thị H và anh Vũ Viết K). Cháu Vũ Thanh T trình bày: Trong quá trình chung sống bố mẹ cháu có một số tài sản chung bao gồm: 02 diện tích đất và 01 ngôi nhà xây + công trình phụ trên đất xây dựng năm 2017 tại tổ dân phố Cầu Mới, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Cháu xác định cháu còn nhỏ vẫn đang đi học, do mẹ cháu trực tiếp chu cấp toàn bộ tiền ăn học, sinh hoạt hàng tháng nên không có công sức đóng góp gì trong khối tài sản chung của bố mẹ cháu. Khi bố mẹ cháu giải quyết ly hôn và phân chia tài sản chung, cháu không liên quan và không có bất cứ ý kiến gì đối với số tài sản chung nêu trên; Đối với cháu Vũ Tuấn M trình bày: Khi bố mẹ giải quyết ly hôn, cháu có nguyện vọng muốn ở với mẹ cháu là Tạ Thị H. Cháu tự nguyện ở với mẹ cháu, cháu mong muốn được ở với mẹ, không bị ai ép buộc gì.

Do các đương sự không tự thoả thuận được với nhau về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng khi giải quyết ly hôn nên Tòa án tiến hành thẩm định và định giá tài sản chung của chị Tạ Thị H và anh Vũ Viết K.

Hội đồng định giá tài sản căn cứ vào các văn bản:

+ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức và tài sản cố định do Nhà nước giao cho Doanh nghiệp quản lý;

+ Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/01/2019 của UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành quy định phân loại đường phố, phân khu vực, phân vị trí đất và Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

+ Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về tài sản gắn liền với đất bị Nhà nước thu hồi.

+ Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc quy định điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Kết quả định giá tài sản cụ thể như sau:

1. Về công trình trên đất:

+ 01 ngôi nhà xây 1 tầng, tường 220cm, mái đổ bê tông và chống nóng, xây dựng tháng 6/2017, có công trình phụ khép kín.

Trị giá: Diện tích $146,67m^2 \times 3.966.674 \text{ đồng}/m^2 \times 76,65\% \times 1,04\% = 463.781.370 \text{ đồng}$.

+ Mái tôn cột sắt, vì kèo sắt, xây dựng tháng 6/2017.

Trị giá: $41,47m^2 \times 330.500 \text{ đồng}/m^2 \times 76,65\% \times 1,04\% = 10.925.743 \text{ đồng}$.

+ Hàng rào gạch xây xi măng, tráng tường xây dựng tháng 6/2017.

Trị giá: $31,36m^2 \times 371.808 \text{ đồng}/m^2 \times 76,65\% \times 1,04\% = 9.294.804 \text{ đồng}$.

Tổng giá trị công trình trên đất là 484.001.917 đồng (Bốn trăm bốn mươi bốn triệu, không trăm linh một nghìn, chín trăm mười bảy đồng).

2. Về diện tích đất:

* Diện tích đất $86,4m^2$ (trong đó có $64,5 m^2$ đất ở tại đô thị và $21,9 m^2$ đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 133, tờ bản đồ số 112 tổ dân phố Cầu Mới, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Diện tích đất này đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 550596 ngày 21/8/2020 mang tên chị Tạ Thị H.

Trị giá:

+ Đất ở là đất ở thuộc đường loại I, quốc lộ II: $64,5 m^2 \times 1.100.000 \text{ đồng}/m^2 = 70.950.000 \text{ đồng}$.

+ Đất trồng cây lâu năm: $21,9 m^2 \times 36.000 \text{ đồng}/m^2 = 788.400 \text{ đồng}$.

Tổng trị giá diện tích đất chị H đang quản lý là 71.738.400 đồng (Bảy mươi một triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm đồng).

* Diện tích đất $180,7m^2$ (trong đó có $137,1m^2$ đất ở tại đô thị và $43,6m^2$ đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 132, tờ bản đồ số 112 tổ dân phố Cầu Mới, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Diện tích đất này đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 550597 ngày 21/8/2020 mang tên anh Vũ Việt K.

Trị giá:

+ Đất ở là đất ở thuộc đường loại I, quốc lộ II: $137,1m^2 \times 1.100.000 \text{ đồng}/m^2 = 150.810.000 \text{ đồng}$.

+ Đất trồng cây lâu năm: $43,6m^2 \times 36.000 \text{ đồng}/m^2 = 1.569.600 \text{ đồng}$.

Tổng trị giá diện tích đất anh K đang quản lý, sử dụng là 152.379.600 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

Chị H và anh K đều nhất trí và không có ý kiến gì tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng đã được Hội đồng định giá xác định theo Biên bản định giá ngày 14/4/2021 là 708.119.917 đồng nhưng không thống nhất được với nhau về việc chia tài sản chung của vợ chồng.

Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang báo hòa giải cho các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên. Tuy nhiên các đương đều không tự thỏa thuận được với nhau và cùng đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật. Vì vậy Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với nguyên đơn tốt; đối với bị đơn, Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng chưa chấp hành tốt.

Về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 33, 51, 56, 59, 62, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 235, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 213, 219 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị H.

* Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho chị Tạ Thị H được ly hôn với anh Vũ Viết K.

* Về con chung: Giao cháu Vũ Tuấn M, sinh ngày 25/6/2012 cho chị Tạ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Vũ Viết K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tạ Thị H. Anh Vũ Viết K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không bị ai cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

* Về chia tài sản chung:

- Đối với chị Tạ Thị H: Giao cho chị Tạ Thị H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 86,4m² (trong đó có 64,5 m² đất ở tại đô thị và 21,9 m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 133, tờ bản đồ số 112 tổ dân phố Cầu Mới, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 550596 ngày 21/8/2020 mang tên chị Tạ Thị H. Tổng giá trị đất là 71.738.400 đồng.

- Đối với anh Vũ Viết K:

+ Giao cho anh Vũ Viết K được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 180,7m² (trong đó có 137,1m² đất ở tại đô thị và 43,6m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 132, tờ bản đồ số 112 tổ dân phố Cầu Mới, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 550597 ngày 21/8/2020 mang tên anh Vũ Viết K. Tổng giá trị đất là 152.379.600 đồng.

+ Giao cho anh Vũ Viết K được tiếp tục quản lý, sử dụng 01 ngôi nhà xây 1 tầng, tường 220cm, mái đổ bê tông và chống nóng có công trình phụ khép kín trị giá 463.781.370 đồng; 01 mái tôn cột sắt, vì kèo sắt trị giá 10.925.743 đồng; 01 hàng rào

gạch xây xi măng, trảng tường trị giá 9.294.804 đồng. Các công trình này nằm trên diện tích đất 180,7m² tại thửa số 132, tờ bản đồ số 112 tổ dân phố Cầu Mới, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên mang tên anh Vũ Viết K với giá trị là 484.001.917 đồng.

Tổng giá trị tài sản (diện tích đất và công trình trên đất) anh Vũ Viết K được quản lý, sử dụng là 636. 381.517 đồng.

- Anh Vũ Viết K có trách nhiệm trả cho chị Tạ Thị H số tiền chênh lệch về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng là 282.321.558 đồng.

* Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Do nguyên đơn chị Tạ Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản nên Đại diện Viện kiểm sát không đề nghị xem xét, giải quyết.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị trách nhiệm chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Chị Tạ Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Vũ Viết K nên xác định đây là vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Vũ Viết K có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại tổ dân phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự*: Nguyên đơn chị Tạ Thị H chấp hành đúng các quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn anh Vũ Viết K chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật khi Tòa án triệu tập đến giải quyết vụ án.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Tạ Thị H và anh Vũ Viết K được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 21/9/2000 tại UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh K là hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu giữa chị H với anh K là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống về cách sinh hoạt trong gia đình, cách nuôi dạy con cái, dẫn đến vợ chồng xảy ra to tiếng cãi chửi nhau, thi thoảng có đánh nhau. Vợ chồng anh chị mỗi người một công việc riêng khác nhau nên không ai quan tâm gì đến công việc của nhau dẫn đến không có sự chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên tháng 8/2019 chị H cùng các con đã chuyển đồ đạc ra ngoài ở riêng và vợ chồng anh chị cũng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong quá trình chị H chuyển ra ở riêng thì nhiều lần anh K có điện thoại và trực tiếp đến chỗ chị H ở để nói chuyện trao đổi khuyên bảo chị H và các con quay về nhà ở nhưng chị H không nhất trí về. Anh K xác định vẫn còn tình cảm với chị H và mong muốn chị H quay về đoàn tụ gia đình, tuy nhiên tại phiên tòa chị H kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K. Hội đồng

xét xử xét thấy thực tế chị H và anh K đã sống ly thân nhau từ tháng 8/2019 đến nay, mỗi người một công việc, một cuộc sống riêng không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa, anh K trình bày sau khi chị H và các con chuyển ra ngoài thuê nhà ở riêng có một vài lần đến khuyên bảo chị H quay về, nhưng sau đó chị H không về thì anh K cũng không điện thoại hay gặp nói chuyện gì với chị H nữa. Anh K trình bày vẫn còn tình cảm với chị H nhưng trên thực tế từ cuối năm 2019 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan hệ vợ chồng gì với nhau nữa, đồng thời khi vợ chồng gặp nhau thì không ai nói chuyện, hỏi thăm nhau, hôn nhân chỉ mang tính chất ràng buộc, chứ không thực sự mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình, vì anh chị đều không ai đưa ra biện pháp tích cực nào nhằm cải thiện quan hệ vợ chồng.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh K đã rất căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần xử cho chị Tạ Thị H được ly hôn anh Vũ Việt K là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. *Về con chung*: Chị Tạ Thị H và anh Vũ Việt K cùng xác định quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Thanh T, sinh ngày 29/6/2001 và cháu Vũ Tuấn M, sinh ngày 25/6/2012.

Đối với con chung là cháu Vũ Thanh T: Chị Hoa và anh K đều xác định cháu T đã đủ 18 tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lực được, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Ly hôn chị Tạ Thị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Vũ Tuấn M đến khi trưởng thành và chị không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; Anh K cũng nhất trí để chị H được trực tiếp nuôi cháu M đến khi trưởng thành và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu M và qua xem xét ý kiến của chị H, anh K, cháu M. Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu Vũ Tuấn M, sinh ngày 25/6/2012 cho chị Tạ Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Do chị H không yêu cầu anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung, đất đai chung*: Tạ Thị H và anh Vũ Việt K cùng xác định quá trình chung sống anh chị có một số tài sản chung, đất đai chung cụ thể như sau:

+ Diện tích đất 86,4m² (trong đó có 64,5 m² đất ở tại đô thị và 21,9 m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 133, tờ bản đồ số 112 tổ dân phố Cầu Mới, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Diện tích đất này đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 550596 ngày 21/8/2020 mang tên chị Tạ Thị H.

+ Diện tích đất 180,7m² (trong đó có 137,1m² đất ở tại đô thị và 43,6m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 132, tờ bản đồ số 112 tổ dân phố Cầu Mới, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Diện tích đất này đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 550597 ngày 21/8/2020 mang tên anh Vũ Việt K. Trên diện tích đất tại thửa số 132,

tờ bản đồ số 112 năm 2017 anh chị đã xây dựng 01 ngôi nhà xây và công trình phụ trên đất mà hiện nay anh K đang quản lý, sử dụng.

Chị H đề nghị được quản lý, sử dụng diện tích đất 86,4m² (trong đó có 64,5 m² đất ở tại đô thị và 21,9 m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 133, tờ bản đồ số 112 tổ dân phố Cầu Mới, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên. Chị nhất trí để anh K được quản lý, sử dụng diện tích đất 180,7m² (trong đó có 137,1m² đất ở tại đô thị và 43,6m² đất trồng cây lâu năm) cùng 01 ngôi nhà xây và công trình phụ trên đất tại thửa số 132, tờ bản đồ số 112 tổ dân phố Cầu Mới, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên. Anh K có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch tài sản chung cho chị H về giá trị đất và ngôi nhà xây + công trình phụ trên đất. Anh K không nhất trí ly hôn nên không nhất trí chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh K đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung là 02 thửa đất đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 550597 ngày 21/8/2020 mang tên anh Vũ Việt K và số BX 550596 ngày 21/8/2020 mang tên chị Tạ Thị H. Trên thửa đất mang tên anh Vũ Việt K thì tháng 6/2017 chị H và anh K xây dựng 01 ngôi nhà xây và công trình phụ trên đất. Tháng 8/2019 chị H và các con mới chuyển ra ngoài thuê nhà ở riêng, như vậy xác định 02 diện tích đất, ngôi nhà xây 1 tầng và công trình phụ trên đất được hình thành trong thời kỳ hôn nhân khi chị H và anh K vẫn chung sống hoà thuận và chưa xảy ra mâu thuẫn nên được xác định là khối tài sản chung của vợ chồng giữa chị H và anh K. Mặc dù anh K không nhất trí chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy đây là tài sản chung của chị H và anh K trong thời kỳ hôn nhân nên yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị H về việc đề nghị Tòa án chia đôi tài sản chung của vợ chồng gồm: Ngôi nhà xây 01 tầng + công trình phụ trên đất xây dựng tháng 6/2017 trị giá 484.001.917 đồng; Diện tích đất 180,7m² mang tên anh Vũ Việt K đang quản lý, sử dụng trị giá 152.379.600 đồng và diện tích đất 86,4m² mang tên chị Tạ Thị H trị giá 71.738.400 đồng là có căn cứ. Do ngôi nhà xây 01 tầng + công trình phụ trên đất được xây dựng trên toàn bộ phần diện tích tại thửa đất số 132, tờ bản đồ số 112 mang tên anh Vũ Việt K, việc chia đôi nhà + công trình trên đất bằng hiện vật là không khả thi vì làm mất đi tính năng sử dụng và giá trị của ngôi nhà + công trình. Chị H có nguyện vọng để cho anh K tiếp tục sử dụng diện tích đất, ngôi nhà và công trình trên diện tích đất mang tên anh Vũ Việt K, đồng thời Hội đồng xét xử xem xét tính thực tế (hiện nay anh K đang quản lý, sử dụng tài sản là ngôi nhà và công trình trên đất) nên việc giao cho anh K được tiếp tục quản lý, sử dụng ngôi nhà và công trình trên đất là phù hợp với thực tế. Như vậy, theo quy định pháp luật thì người được quyền quản lý, sử dụng tài sản chung (anh K) phải có trách nhiệm thanh toán giá trị phần chênh lệch về tài sản được chia cho người không được nhận bằng hiện vật (chị H) là phù hợp với nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn theo quy định tại khoản 3 Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Hiện tại chị H đang quản lý, sử dụng diện tích đất có giá trị là 71.738.400 đồng; Anh K đang quản lý, sử dụng diện tích đất và nhà xây, công trình trên đất có giá trị là 636.381.517 đồng. Tổng giá trị khối tài sản chung của chị H và anh K có giá trị là 708.119.917 đồng. Xét thấy khối tài sản chung của vợ chồng chị H và anh K có công sức đóng góp ngang nhau nên mỗi người được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản theo quy định của pháp luật. Cụ thể: Giá trị tài sản là $708.119.917 \text{ đồng} / 2 = 354.059.958 \text{ đồng}$ (Chị H được hưởng phần giá trị tài sản là 354.059.958 đồng; anh K được hưởng phần giá trị tài sản là 354.059.958 đồng). Vì vậy Hội đồng xét xử cần buộc anh K có trách nhiệm thanh toán số tiền chênh lệch về khối tài sản chung cho chị Tạ Thị H là 282.321.558 đồng.

[6]. *Về vay nợ chung*: Chị Tạ Thị H và anh Vũ Việt K cùng xác định không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[7]. *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản*: Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.650.000 đồng, chị Tạ Thị H đã nộp toàn bộ chi phí này. Tại biên bản làm việc và tại phiên tòa chị Hoa đều xác định tự nguyện chịu toàn bộ chi phí nêu trên, không yêu cầu anh K phải chịu. Xét thấy việc chị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. *Về án phí*:

+ Chị Tạ Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần giá trị tài sản chung được chia theo quy định pháp luật.

+ Anh Vũ Việt K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần giá trị tài sản chung được chia theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 33, 51, 56, 59, 62, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 235, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 213, 219 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị H.

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Xử cho chị Tạ Thị H được ly hôn với anh Vũ Việt K.

2. **Về con chung**:

- Giao cháu Vũ Tuấn M, sinh ngày 25/6/2012 cho chị Tạ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Vũ Việt K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tạ Thị H. Anh Vũ Việt K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không bị ai cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về chia tài sản chung:

- Đối với chị Tạ Thị H: Giao cho chị Tạ Thị H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 86,4m² (trong đó có 64,5 m² đất ở tại đô thị và 21,9 m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 133, tờ bản đồ số 112 tổ dân phố Cầu Mới, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 550596 ngày 21/8/2020 mang tên chị Tạ Thị H. Tổng giá trị đất là 71.738.400đ (*Bảy mươi một triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm đồng*).

- Đối với anh Vũ Viết K:

+ Giao cho anh Vũ Viết K được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 180,7m² (trong đó có 137,1m² đất ở tại đô thị và 43,6m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 132, tờ bản đồ số 112 tổ dân phố Cầu Mới, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 550597 ngày 21/8/2020 mang tên anh Vũ Viết K. Tổng giá trị đất là 152.379.600đ (*Một trăm năm mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm đồng*).

+ Giao cho anh Vũ Viết K được tiếp tục quản lý, sử dụng 01 ngôi nhà xây 1 tầng, tường 220cm, mái đổ bê tông và chống nóng có công trình phụ khép kín trị giá 463.781.370 đồng; 01 mái tôn cột sắt, vì kèo sắt trị giá 10.925.743 đồng; 01 hàng rào gạch xây xi măng, tráng tường trị giá 9.294.804 đồng. Các công trình này nằm trên diện tích đất 180,7m² tại thửa số 132, tờ bản đồ số 112 tổ dân phố Cầu Mới, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang mang tên anh Vũ Viết K với tổng giá trị là 484.001.917đ (*Bốn trăm bốn mươi bốn triệu, không trăm linh một nghìn, chín trăm mười bảy đồng*).

Tổng giá trị tài sản (diện tích đất và công trình trên đất) anh Vũ Viết K được quản lý, sử dụng có giá trị là 636. 381.517đ (*Sáu trăm ba mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi một nghìn, năm trăm mười bảy đồng*).

- Anh Vũ Viết K có trách nhiệm trả cho chị Tạ Thị H số tiền chênh lệch về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng là 282.321.558đ (*Hai trăm tám mươi hai triệu, ba trăm hai mươi một nghìn, năm trăm năm mươi tám đồng*).

Khoản tiền phải thanh toán nêu trên, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và chị Tạ Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Vũ Viết K chậm trả thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự .

4. Về án phí:

+ Chị Tạ Thị H phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng và tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần tài sản được chia là 17.703.000 đồng. Tổng cộng số tiền án phí chị H phải nộp là 18.003.000đ (*Mười tám triệu không trăm linh ba nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002460 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh

Tuyên Quang. Chị Tạ Thị H còn phải nộp số tiền án phí là 17.703.000đ (*Mười bảy triệu bảy trăm linh ba nghìn đồng*).

+ Anh Vũ Viết K phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần tài sản được chia là 17.703.000đ (*Mười bảy triệu bảy trăm linh ba nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Tạ Thị H và anh Vũ Viết K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/5/2021).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hàm Yên;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND thị trấn Tân Yên (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Tùng